

Số: 352/BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV
NĂM 2016**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/12/2015.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0 33) 3715 066
- Fax: (0 33) 3715 067
- Website: www.minegeology.vn
- Mã cổ phiếu: **MGC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Công ty cổ phần Địa chất mỏ – TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ

công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS; Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mở trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mở - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mở - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mở - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/8/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2016, Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 108 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Điều tra cơ bản, thăm dò địa chất than và các tài nguyên khoáng sản khác, thăm dò trong quá trình khai thác mỏ, địa chất khai thác mỏ, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

+ Khảo sát, đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò, Đo địa vật lý Carota.

+ Dịch vụ địa chất trắc địa: Lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại, nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Khảo sát, xử lý địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình xây dựng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi.

+ Dịch vụ: Khoa học công nghệ, tin học, in ấn, liên kết xuất bản, tắm khoáng nóng, xoa bóp ...

- Địa bàn hoạt động chính: Tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

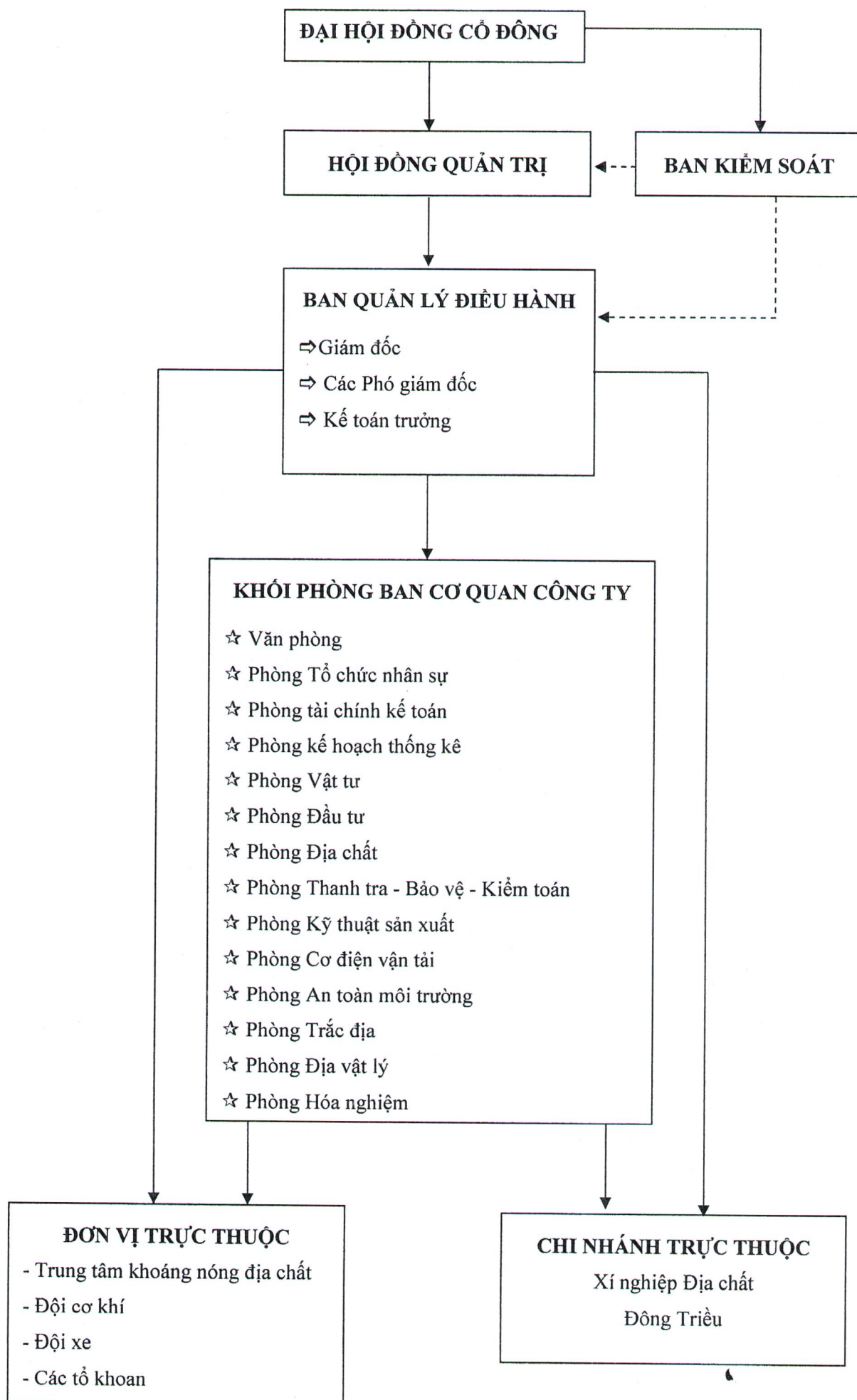
+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc gồm có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Chi nhánh: Gồm 14 phòng ban; 02 Đội trực thuộc; Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 21 tổ khoan thuộc Công ty và 01 chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều theo mô hình sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2016, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành Công ty đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam về lĩnh vực thăm dò, khảo sát địa chất.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khoan phù hợp với từng địa tầng, từng vùng và kết cấu của đất đá.

+ Duy trì sản xuất ổn định và mở rộng sản xuất khoan trong lò để tháo nước, tháo khí cho các Công ty than.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Công ty là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới.... vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước...nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2016, Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn: Đó là việc tập trung hoàn thiện chương trình tái cấu trúc, cổ phần hóa đơn vị, tái cấu trúc mô hình quản lý, ổn định tư tưởng, việc làm cho người lao động. Việc triển khai thi công các công trình tại một số mỏ như Vàng Danh, Mạo Khê, thi công các công trình thuộc dự án khu Nam Thịnh (Thái Bình) với yêu cầu nghiêm ngặt về hồ sơ pháp lý và chất lượng thi công, sự điều chỉnh, thay đổi dự án; Nhiều công trình thi công trong địa tầng phức tạp, khu vực khai thác của các mỏ, khu vực quản lý của các hộ dân nên công tác đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai thi công gặp rất nhiều khó khăn...

- *Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:*

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế	Kế	Thực	Tỷ lệ
----	--------------	-----	----	----	------	-------

			hoạch 2016	hoạch điều chỉnh 2016	hiện 2016	(%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5
I	Chỉ tiêu hiện vật					
	- Khoan thăm dò	m	115.000	96.900	95.845,8	98,9
	- Khảo sát trắc địa	ha	13.000	12.550	15.185,2	121,0
II	Chỉ tiêu giá trị					
1	Doanh thu tổng số	Tr.đồng	446.800	395.600	424.863	107,4
2	Lợi nhuận	Tr.đồng	10.000	10.000	10.416	104,2
3	Lao động, thu nhập					
	- Lao động định mức	người	1.187	1.162	1.049	90,3
	- ΣQTL thực hiện	Tr.đồng	113.934	106.000	113.118	106,7
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	7.999	7.602	8.922	117,4
4	Nộp ngân sách	Tr.đồng	22.386	22.386	25.667	114,7

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

Với sự quan tâm chỉ đạo điều hành sâu sát của HĐQT, Ban Quản lý điều hành, sự cố gắng phấn đấu của toàn thể cán bộ CNV trong Công ty, sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi của Hội đồng thành viên, lãnh đạo và các ban của Tập đoàn, sự phối hợp của các đơn vị trong Tập đoàn đã giúp Công ty khắc phục nhiều khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu giá trị và sản lượng TDKS năm 2016 theo kế hoạch được giao.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MGC		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Vũ Văn Mạnh	Giám đốc		0,125	
2	Lê Văn Lâm	P.Giám đốc		0,102	
3	Nguyễn Văn Nhật	P.Giám đốc		0,061	
4	Phạm Văn Ngôn	P.Giám đốc		0,166	
5	Nguyễn Bá Lượng	P.Giám đốc		0,104	
6	Nguyễn Thị Hồng Lan	KT trưởng		0,034	

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2016, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành cụ thể như sau: Ngày 29/6/2016, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV có Quyết định số 1088/QĐ-ĐCM về việc bổ nhiệm bà **Nguyễn Thị Hồng Lan**, Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán, kiêm công tác kế toán, tài chính của Công ty giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Tóm tắt lý lịch của Ban

lãnh đạo điều hành đã được nêu tại các kỳ trước, bổ sung lý lịch bà Nguyễn Thị Hồng Lan:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 27/9/1973
- Nơi sinh: Phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Số CMND: 100616996, ngày cấp: 22/8/2006, nơi cấp: CA Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu Bình Minh, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0912660258
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán;
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1993-3/2002: Nhân viên phòng hành chính quản trị; phụ trách y tế Xí nghiệp Thăm dò và khai thác than, sau đổi tên thành Xí nghiệp 908.
 - + Từ tháng 4/2002 - 1/2004: Nhân viên phòng Kế toán Xí nghiệp 908; kiêm phó bí thư đoàn Thanh niên Xí nghiệp 908;
 - + Từ tháng 2/2004 - 3/2011: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Địa chất mỏ; kiêm Trưởng ban nữ công Công ty (từ năm 2008)
 - + Từ tháng 4/2011 – 12/2015: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty; Kiêm Trưởng ban nữ công Công ty Địa chất mỏ - TKV.
 - + Từ tháng 01/2016 – 6/2016: Phụ trách phòng Tài chính kế toán, phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty; Kiêm Trưởng ban nữ công Công ty CP Địa chất mỏ - TKV.
 - + Từ tháng 7/2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 3.700, chiếm 0,034 % vốn điều lệ,
Trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 3.700 cổ phần
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
- Sở hữu của những người có liên quan:

Họ tên	Địa chỉ	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng CP nắm giữ
Chồng : Đạm Quang Dũng	Tổ 6, khu Bình Minh, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	100747903	30/4/2008	Quảng Ninh	3.400

- Các khoản nợ và các khoản lợi ích khác đối với Công ty: Không.

c) **Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2016: 1.049 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại làm việc cho BCNV, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 8.922.000 đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi không đúng nội quy, quy định của công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Năm 2016, trên cơ sở kế hoạch HĐQT thông qua, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư một số dự án chính, bao gồm:

- Khu di tích lịch sử địa điểm khai thai thác Than đầu tiên của Việt Nam;
- Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng;
- Kho vật tư và xưởng sửa chữa cơ khí;
- Đường bê tông Xí nghiệp Địa chất Đông Triều;
- Thiết bị duy trì sản xuất.

Quá trình thực hiện đầu tư đảm bảo đúng trình tự, thủ tục triển khai dự án, tăng cường giám sát chất lượng công trình chống thất thoát, lãng phí trong quá trình đầu tư. Với mục tiêu tăng cường năng lực, duy trì sản xuất, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu năm 2016 và các năm tiếp theo.

Thực hiện công tác đầu tư tuân thủ các qui định của Pháp luật; Qui chế quản lý đầu tư của Tập đoàn và Công ty, giá trị thực hiện năm 2016 là 48.868 tr.đồng/49.170trđ KH, đạt 99% kế hoạch năm. Các dự án, công trình sau khi hoàn thành đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng mang lại hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu Tập đoàn giao.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
----	----------	----------	----------	-------------------

(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Tổng tài sản	361.013.353.344	369.679.455.847	102,4
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	454.436.272.119	423.344.649.937	93,2
4	Giá vốn hàng bán	392.781.788.425	360.368.228.755	91,7
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.654.483.694	62.976.421.182	102,1
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12.302.020	9.352.387	76,0
7	Chi phí tài chính	5.030.801.390	5.160.613.409	102,6
8	Chi phí bán hàng	-	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.831.378.713	46.934.531.830	98,1
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.804.605.611	10.890.628.330	123,7
11	Thu nhập khác	1.001.415.840	509.608.855	50,9
12	Chi phí khác	388.454.347	984.144.397	253,4
13	Lợi nhuận khác	612.961.493	(474.535.542)	-77,4
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.417.567.104	10.416.092.788	110,6
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113.436.831	2.352.272.013	111,3
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.304.130.273	8.063.820.775	110,4

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,96	0,97	
<i>√ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,91	0,91	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,72	0,64	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,86	2,04	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	32,79	28,75	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			

- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,41	1,15	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,016	0,019	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,090	0,069	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,023	0,022	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,019	0,026	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Thuế	25.818.543.828	25.511.486.765
-	Thuế giá trị gia tăng	20.679.489.097	20.046.771.345
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.202.211.189	1.210.556.485
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113.436.831	2.352.272.013
-	Thuế thu nhập cá nhân	1.088.388.939	1.003.735.978
-	Thuế tài nguyên	6.741.435	7.651.805
-	Thuế đất và tiền thuê đất	724.276.337	886.499.139
-	Các loại thuế khác	4.000.000	4.000.000
2	Các loại phí và lệ phí	942.405.648	61.086.266
-	Phí bảo vệ môi trường	11.394.000	11.484.000
-	Các khoản khác	931.011.648	49.602.266
	Tổng cộng	26.760.949.476	25.572.573.031

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 10.800.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 251.780 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 30/12/2016)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	15.083.952	100%	22	2.057
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	9.351.800	86,59%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5	0	0%		

	% cổ phần có quyền biểu quyết				
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	1.448.200	13,41%		988
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	9.351.800	86,59%	1	
2	Vốn nước ngoài	0	0%		

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 9.351.800 cổ phần, chiếm 86,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2016 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2016 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khoan thăm dò địa chất, do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là ống chống, cần khoan.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Qui đổi TOE		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích
Dầu DO	1.826.584,6	Lít	1.607	Tấn	10.237	đ/tấn	Nhiên liệu máy khoan, vận tải, máy xúc gạt, máy phát điện, đo Karota
Xăng	86.874	Lít	72	Tấn	14.157	đ/tấn	Nhiên liệu vận tải, bơm nước, đo Karota
Điện năng mua ngoài	683.395	Kwh	105	Tấn	2.230	đ/kwh	Văn phòng, nhà xưởng
Điện năng tự sản xuất	14.400	Kwh	2	Tấn			Văn phòng, nhà xưởng
Tổng số TOE			1.786	Tấn			

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2016, do điều kiện sản xuất đặc thù của Công ty, báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong năm không có.

6.3. Tiêu thụ nước, xử lý nước thải

a) Tiêu thụ: Công ty Cổ phần Địa chất mỏ-TKV tiêu thụ các loại nước gồm:

- Nước máy của Công ty nước sạch Cẩm Phả dùng cho hoạt động nấu ăn tại các bếp ăn tập thể; Năm 2016 sử dụng 4.862 m³, chi phí sử dụng là 73.195.500 đồng.

- Nước giếng khoan tại Văn phòng Công ty, khu Km5 dùng để rửa xe, tay, cốc chén, ...

- Nước suối tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất dùng để tắm tráng sau khi ngâm tắm khoáng nóng.

b) Xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải của Công ty là dạng nước thải sinh hoạt, Công ty tự xử lý; tại mỗi khu vực điều hành sản xuất, Công ty xây dựng các hệ thống thu gom và các bể chứa, bể tự hoại; Nước thải sau khi xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép được chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Tổng lượng nước thải đã xử lý trong năm khoảng 7.000 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 1.049 người. Mức lương bình quân năm 2016: 8.922.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Duy trì hỗ trợ tiền tiếp phẩm cho công nhân tham gia trực tiếp sản xuất và phục vụ ăn uống đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho CBCNV phòng ban; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Phối hợp với Trung tâm Cục An toàn lao động - Bộ Công thương mở các lớp huấn luyện để cấp chứng chỉ theo Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTB-XH cho công nhân khoan, cơ khí, hóa nghiệm, Địa vật lý.

- Phối hợp với các trường để kết hợp công tác tuyển sinh đào tạo nghề khoan thăm dò, tổ chức kiểm tra đánh giá kỹ năng nghề cho học sinh sau thực tập tại Công ty. Tổ chức tiếp nhận và bố trí cho 100% số học sinh đào tạo theo chỉ tiêu của Công ty sau

khi tốt nghiệp tiếp nhận về công tác tại Công ty. Tổ chức hướng dẫn An toàn các bước và giáo dục định hướng theo chương trình khung được duyệt. Tổ chức kiểm tra sát hạch kết quả sau thử việc, tập việc theo đúng các quy chế quản lý và đúng luật lao động.

- Chủ động phối hợp với các trường để mở các lớp đào tạo kiêm nghề cho Công nhân: Vận hành khoan máy địa chất, các thiết bị có tính đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn...

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2016.

TT	Nội dung	Số lớp/Đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề	1	10	
2	Tập huấn, huấn luyện	28	55	
3	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	1	56	
4	Tuyển lao động có trình độ		20	
5	Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới	10	628	
6	Bố trí thực tập cho học sinh	01	22	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2016, ngoài chi hỗ trợ thường xuyên cho 01 cá nhân bị nhiễm chất độc da cam, Công ty còn chi tặng quà cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện ăn, ở và làm việc cho công nhân vận hành khoan máy địa chất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua bảng số liệu tại mục II.1, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD

- Kết quả hoạt động địa chất tính theo hiện vật: Khối lượng khoan thăm dò thực hiện năm 2016 là 95.845,8mk đạt 98,91% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2016 giữa Tập đoàn TKV với Công ty; Khối lượng về khảo sát địa hình thực hiện là 15.185,2ha

đạt 121% so với kế hoạch điều chỉnh; Nguyên nhân không đạt được khối lượng khoan thăm dò theo kế hoạch Tập đoàn giao là do các yếu tố sau:

+ Khối lượng một số Đề án thăm dò có trong kế hoạch khảo sát thăm dò năm 2016 nhưng phải chờ kết quả thăm dò giai đoạn 1 mới tiến hành thi công tiếp giai đoạn 2 (Đề án thăm dò than Thái Bình), hoặc chưa được cấp phép thăm dò nên tạm dừng thi công (Đề án thăm dò mỏ Cuốc Bê).

+ Vị trí lỗ khoan dự kiến thi công, nằm trong khu vực đang sản xuất hoặc đang đổ thải của các đơn vị sản xuất than nên chưa thể bố trí vào thi công được. Khối lượng này chủ yếu là khối lượng nằm trong gói thầu số 01: thi công thăm dò năm 2016 khu mỏ Khe Chàm – Công ty than Hạ Long.

- Chỉ tiêu giá trị thực hiện năm 2016: Doanh thu thực hiện 424.863 đạt 107,1% so với kế hoạch điều chỉnh.

- Lợi nhuận là 10.416trđ đạt 104,2% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	361.013.353.344	369.679.455.847
1.1	Tài sản ngắn hạn	226.603.368.526	226.811.152.435
1.2	Tài sản dài hạn	134.409.984.818	142.868.303.412
	Trong đó: TSCĐ HH	94.517.416.775	111.085.586.193
2	Doanh thu thuần	454.436.272.119	423.344.649.937
3	Lợi nhuận trước thuế	9.417.567.104	10.416.092.788
4	Lợi nhuận sau thuế	7.304.130.273	8.063.820.775

- Theo báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận năm 2016 là: 10.416.092.788 đồng/kế hoạch 10.000.000.000 đồng, đạt 104,2%.

- Tài sản ngắn hạn là: 226.811.152.435 đồng, trong đó nợ phải thu là: 210.870.626.880 đồng.

- Tài sản dài hạn là: 142.868.303.412 đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là: 111.085.586.193 đồng.

NG TSCĐHH đầu năm 2016 là: 245.861.805.463 đồng

NG TSCĐHH tăng trong năm 2016 là: 48.352.442.374 đồng gồm:

+ Do mua sắm trong kỳ: 17.764.694.071 đồng.

+ Do XDCB hoàn thành: 30.207.615.138 đồng.

+ Do Quyết toán tăng chi phí khác: 380.133.165 đồng.

NG TSCĐHH giảm trong năm 2016 là: 462.989.913 đồng

NG TSCĐHH cuối năm 2016: 393.751.257.924 đồng

Giá trị khấu hao và hao mòn trong năm là: 30.448.285.117 đồng

Giá trị hao mòn lũy kế là: 182.665.671.731 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐHH là : 111.085.586.193 đồng.

Định kỳ hàng tháng, quý TSCĐ được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty đang trích khấu hao nhanh đối với tài sản là máy móc thiết bị.

- Giá trị thực hiện đầu tư XDCB năm 2016 là 49.730 triệu đồng so kế hoạch điều chỉnh 52.642 triệu đồng bằng 94,5%. Trong đó Công ty đã dùng toàn bộ nguồn khấu hao TSCĐ và nguồn tự có để đầu tư, không vay tín dụng.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	244.950.194.169	247.268.038.663	100,95
1	Vay và nợ ngắn hạn	117.274.048.480	84.726.875.453	72,25
2	Phải trả người bán	60.345.347.736	84.018.973.308	139,23
B	Nợ dài hạn	4.481.200.000	1.861.200.000	41,53
1	Vay và nợ dài hạn	4.481.200.000	1.861.200.000	41,53
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	249.431.394.169	249.129.238.663	99,88

- Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả, phân loại tính chất nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

- Về vốn vay ngắn hạn 2016: Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là 84.726.875.453 đồng bao gồm vay ngắn hạn là 82.106.875.453 đồng và nợ dài hạn đến hạn trả là: 2.620.000.000 đồng.

+ Số dư vay đầu năm 2016: 114.654.048.480

+ Tổng số vay trong năm 2016: 306.070.227.896

+ Số đã trả nợ trong năm 2016: 338.617.400.923

+ Số dư vay đến cuối năm 2016: 82.106.875.453

- Về vốn vay dài hạn 2016: Trong năm Công ty không thực hiện hợp đồng vay dài hạn để đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động sản xuất chính, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ từ Công ty đến Xí nghiệp; Cụ thể năm 2016 Công ty đã sắp xếp bố trí lại số phòng ban quản lý của Xí nghiệp Địa chất Đông Triều từ 7 phòng xuống còn 6 phòng và sáp nhập Trạm y tế Công ty về phòng Tổ chức nhân sự.

Trong năm, Công ty đã tiết giảm được 95 người so với thời điểm 30/9/2015 và những cán bộ về hưu không tuyển dụng thay thế. Do vậy, bước đầu về công tác

tiết giảm lao động đã cơ bản hoàn thành và việc cơ cấu lại lao động, tổ chức đã có hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- *Chất lượng môi trường không khí:*

+ Năm 2016 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng lấy 22 mẫu không khí các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, Khu km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích, kết quả 22/22 mẫu không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành.

+ Công ty không có khí thải cần xử lý. Môi trường không khí, tiếng ồn trong các khu vực của Công ty luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép.

- *Chất lượng nước thải:*

+ Năm 2016 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng lấy 18 mẫu nước thải các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, Khu km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích, kết quả 18/18 mẫu nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thải của Công ty chỉ có nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt thải ra từ các khu điều hành, văn phòng, nhà ăn, từ khu ngâm tắm khoáng nóng của Trung tâm Khoáng nóng Địa chất được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép xả vào nguồn nước của khu vực, theo vị trí được phép xả thải.

- Công tác quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

+ Quản lý chất thải rắn thông thường: Rác thải phát sinh tại các khu văn phòng, điều hành được thu gom hàng ngày vào các xe chứa, Công ty ký hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị Cẩm Phả để vận chuyển đi xử lý.

+ Quản lý chất thải nguy hại: Công ty đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Công ty đã tổ chức thu gom, ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Môi trường đất:* Theo các đề án BVMT đã được xác nhận phê duyệt hàng năm, Công ty không phải lấy mẫu đất để phân tích đánh giá.

- *Mức độ phát thải các chất thải:* Không có.

Hàng năm Công ty đều lập báo cáo định kỳ gửi các cấp có thẩm quyền như: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, Phòng Tài nguyên và Môi trường Cẩm Phả, Tập đoàn TKV

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công đối với người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2016, Công ty đã chi hỗ trợ các quỹ bảo trợ người khuyết tật, đền ơn đáp nghĩa, nạn nhân chất độc da cam, thương binh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh... giá trị 58,0 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 10 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Do các phương án thăm dò bị giảm vì chưa có giấy phép thăm dò (vịnh Cuốc Bê) và ngừng thi công (phương án Thái Bình) đã ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty, do vậy các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty đã được điều chỉnh. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty bảo tồn được vốn, việc làm của người lao động đảm bảo, thu nhập trong năm tăng so với thu nhập kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho các phó Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban, tổ, đội, Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành một Công ty chuyên khoan thăm dò, khảo sát đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch	Không ĐH	86,59	0,09	Từ 01.01-:-31.12.2016
2	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên	Không ĐH			Từ 01.01-:-31.12.2016
3	Vũ Văn Mạnh	Thành viên	Điều hành		0,13	Từ 01.01-:-31.12.2016
4	Lê Văn Lân	Thành viên	Điều hành		0,10	Từ 01.01-:-31.12.2016
5	Phạm Văn Ngôn	Thành viên	Điều hành		0,17	Từ 01.01-:-31.12.2016

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 01 (một) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Văn Dậu đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị của ba đơn vị (Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin và Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc –TKV) và là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2016 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự.

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 14 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 18 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo):

- Ban hành mới 17 Quy chế quản lý và sửa đổi, bổ sung 01 Quy chế quản lý để làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ	
			Đại diện	Sở hữu (%)
1	Lê Thị Kim Dung	Trưởng Ban	0	0,06
2	Hoàng Kim An	Thành viên	0	0,06
3	Nguyễn Đức Luận	Thành viên	0	0,03

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty Cổ phần Địa chất mỏ -TKV ngày 25/12/2015: Ban kiểm soát công ty được bầu gồm 03 người, 01 Trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm. Kể từ khi Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV chính thức chuyển sang hoạt động mô hình công ty Cổ phần, Trưởng ban kiểm soát đã tổ chức phân công nhiệm vụ các thành viên BKS, ban hành quy chế hoạt động của BKS, xây dựng kế hoạch kiểm soát hàng quý để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2016 Ban kiểm soát đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu, điều lệ công ty. Kiểm soát toàn bộ các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ mới do Công ty dự thảo để ban hành tổ chức thực hiện.

- Định kỳ hàng quý Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty; kiểm soát một số lĩnh vực quản lý vật tư, đầu tư XD/CB, tài chính kế toán,.. Kết quả kiểm tra đã trao đổi trực tiếp với phòng chuyên môn của Công ty để rút kinh nghiệm thực hiện.

- Trưởng ban kiểm soát thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp giao ban của Công ty hàng tuần, họp sơ kết tháng, quý để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.

- Thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo quy định về Tập đoàn đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

TT	Ngày tháng họp	Nội dung
1	25/12/2015	- Bầu trưởng ban kiểm soát

2	18/1/2016	- Phân công nhiệm vụ các thành viên ban kiểm soát; - Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
3	14/4/2016	- Triển khai nhiệm vụ kiểm soát theo Kế hoạch số 475. Thông nhất Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập.
4	03/6/2016	- Thảo luận, thông qua biên bản kết quả kiểm soát hoạt động SXKD quý I/2016 của Công ty; Thông qua kế hoạch kiểm soát quý II/2016.
5	24/8/2016	- Thảo luận, thông qua biên bản kết quả kiểm soát hoạt động SXKD 6 tháng 2016 của Công ty; - Thông qua kế hoạch kiểm soát quý III/2016
6	19/10/2016	- Thảo luận, thông qua biên bản kết quả kiểm soát hoạt động SXKD 9 tháng 2016 của Công ty; - Thông qua kế hoạch kiểm soát quý IV/2016

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016 với tổng số tiền là: 386.400.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn).

* Lương, thưởng của ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: Ban giám đốc Công ty có 06 thành viên; 01 Trưởng ban kiểm soát. Trong năm 2016, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát với tổng số tiền là: 2.360.000.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2016 như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2016 (đ)	Thu nhập từ thù lao năm 2016 (đ)	Tổng số
A	B	C	1	2	3=1+2
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT		64.800.000	64.800.000
2	Phạm Tuấn Ninh	TV. HĐQT		55.200.000	55.200.000
3	Lê Thị Kim Dung	TB. Kiểm soát	358.307.361		358.307.361
4	Hoàng Kim An	TV. BKS		50.400.000	50.400.000
5	Nguyễn Đức Luận	TV. BKS		50.400.000	50.400.000
6	Vũ Văn Mạnh	TV. HĐQT-GĐ	404.810.588	55.200.000	460.010.588
7	Lê Văn Lân	TV. HĐQT - PGĐ	358.307.361	55.200.000	413.507.361
8	Phạm Văn Ngôn	TV. HĐQT - PGĐ	358.307.361	55.200.000	413.507.361
9	Nguyễn Văn Nhật	P. GIÁM ĐỐC	358.307.361		358.307.361
10	Nguyễn Bá Lượng	P. GIÁM ĐỐC	358.307.361		358.307.361
11	Nguyễn Thị Hồng Lan	KTT	163.652.607		163.652.607
	Tổng cộng		2.360.000.000	386.400.000	2.746.400.000

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty*: Trong năm 2016 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán**: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 37/2016/BCKT- PKF-VPC ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam - AVA.

“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. **Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán**: Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam - AVA. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.minegeolog.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đậu

Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2016

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	Số: 01/NQ-HĐQT	25/12/2015	Bầu Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty
2	Số: 02/NQ-HĐQT	31/12/2015	1. Phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty trên cơ sở phương án cổ phần hóa Tập đoàn phê duyệt. 2. Thông qua phương án bổ nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty.
3	Số: 03/NQ-HĐQT	28/01/2016	1. Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2016; 2. Thông qua phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
4	Số: 04/NQ-HĐQT	28/01/2016	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn của Công ty năm 2016 là 120 tỷ đồng
5	Số: 05/NQ-HĐQT	28/01/2016	Về việc lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn đầu tư tài chính Châu Á – chi nhánh Hà Nội
6	Số: 06/NQ-HĐQT	28/01/2016	Thông qua đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
7	Số: 07/NQ-HĐQT	28/01/2016	Thông qua 03 Quy chế quản lý nội bộ của Công ty: 1. Quy chế hoạt động của hội đồng quản trị; 2. Quy chế quản lý tài chính của Công ty; 3. Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
8	Số: 08 /NQ-HĐQT	05/02/2016	Thông qua 02 Quy chế quản lý nội bộ của Công ty: 1. Quy chế quản lý công tác vật tư; 2. Quy chế quản lý lao động và tiền lương.
9	Số: 09/NQ-HĐQT	29/02/2016	Thông qua 09 Quy chế quản lý nội bộ và 01 Quy định của Công ty: 1. Quy chế quản lý cán bộ; 2. Quy chế khoán, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh; 3. Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh trực thuộc; 4. Quy chế tuyển dụng lao động; 5. Quy chế thực hiện dân chủ; 6. Quy chế thi đua khen thưởng; 7. Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi; 8. Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; 9. Quy chế kiểm toán nội bộ; 10. Quy định giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu trong Công ty.

10	Số: 10/NQ-HĐQT	14/3/2016	Thông qua Quy chế phối hợp lãnh đạo giữa HĐQT, Giám đốc với Đảng ủy và Công đoàn Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV
11	Số: 11/NQ-HĐQT	29/4/2016	Thông qua 7 nội dung sau: 1. Kết quả sản xuất kinh doanh quý I và dự kiến kế hoạch SXKD quý II năm 2016; 2. Việc xếp lương cho Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và phụ cấp lương cho Thư ký HĐQT Công ty; 3. Rà soát cách quản lý, điều hành tại Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 4. Xem xét thực hiện chỉ thị số 51 CTLT/TGD-CDTKV ngày 22/3/2016 của Tập đoàn; 5. Xem xét xây dựng hệ thống thang bảng lương của Công ty; 6. Thay đổi công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016; 7. Quyết định giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên tại Sở GDCK Hà Nội.
12	Số: 12/NQ-HĐQT	23/5/2016	Thông qua 02 nội dung sau: 1. Thông qua dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016; 2. Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Văn Tới, Phó trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất giữ chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty.
13	Số: 13/NQ-HĐQT	23/5/2016	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Lan, Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
14	Số: 14/NQ-HĐQT	25/7/2016	Thông qua 04 nội dung sau: 1. Kết quả SXKD Quý II năm 2016 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2017. 2. Thông qua 4 Quy chế nội bộ: Quy chế quản lý nợ; Quy chế quản lý nội bộ về công tác quản lý tài chính; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế công bố thông tin. 3. Thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương của Công ty. 4. Giao nhiệm vụ cho bà Nguyễn Thị Hồng Lan – Kế toán trưởng Công ty thực hiện nhiệm vụ Trưởng phòng TCKT công ty.
15	Số: 15/NQ-HĐQT	26/8/2016	Chuyển xếp lương cho Giám đốc, các phó giám đốc và Trưởng ban kiểm soát từ bảng lương cũ theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ sang thang bảng lương của Công ty theo quyết định số 1189/QĐ-ĐCM ngày 25/7/2016.
16	Số: 16/NQ-HĐQT	08/11/2016	Thông qua 03 nội dung sau:

			<ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả sản xuất kinh doanh Quý III và dự kiến kế hoạch SXKD quý IV năm 2016; 2. Thông qua Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hoạt động của Công ty; 3. Thông qua Quy hoạch cán bộ năm 2016 – 2020 của Công ty.
17	Số: 17/NQ-HĐQT	05/12/2016	Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2016
18	Số: 18/NQ-HĐQT	13/12/2016	Thông qua điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016



